TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số:04/2018/KDTM - ST
Ngày: 09/5/2018.
"V/v Tranh chấp về bồi thường hợp đồng khai thác, vận chuyển đất sét".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thu Nguyệt
2. Ông Lê Tú Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Núi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2017/TLST- KDTM ngày 23/5/2017 về việc "Tranh chấp, bồi thường hợp đồng khai thác, vận chuyển đất sét" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXX - KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐ-HPT ngày 30 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐ - HPT ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công Ty Cổ Phần G . (Bên A)
Trụ sở: Tổ 4 – KP X – TT K – huyện K - tỉnh K .
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Kiên N - Chức danh: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn C , sinh năm 1978*(Có mặt).*
Địa chỉ: Tổ 21 – KP X – TT K – huyện K tỉnh K .
(Văn bản ủy quyền số 70/GUQ-KBT ngày 26/6/2017).

Bị đơn: Công ty TNHH H (Bên B).
Địa chỉ: Tổ 15- KP T – TT K huyện K tỉnh K .
Người đại diện theo pháp luật: bà Võ Thị P - Chức danh: Giám đốc (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/02/2015 Công ty cổ phần G có ký hợp đồng khai thác vận chuyển đất sét với Công ty TNHH H theo hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT- KBT ngày 09/02/2015 và phụ lục hợp đồng số 01-1/PLHĐ-KBT ngày 20/8/2015 và phụ lục hợp đồng số 01 - 2/PLHĐ – KBT ngày 31/01/2016.

Trong quá trình thanh toán đợt 3 thì phát sinh tranh chấp như sau.

Công ty TNHH H có xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000096 mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu HT/11P vào ngày 25/5/2016 cho Công ty cổ phần G , và Công ty cổ phần G thanh toán tiền theo hợp đồng cho công ty TNHH H . Sau đó Công ty cổ phần G phát hiện hóa đơn của Công ty TNHH H xuất là hóa đơn không hợp pháp vì không còn giá trị sử dụng do Chi cục thuế huyện Kiên Lương đã ra thông báo số 1985/TB-CCT ngày 28/4/2016 về việc hóa đơn không còn giá trị sử dụng từ ngày 06/5/2016 và quyết định số 171/QĐ - CCT ngày 28/4/2016 của Chi cục thuế huyện Kiên Lương về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với công ty TNHH H từ ngày 06/5/2016 với lý do cưỡng chế là người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế quy định tại điểm a khoản 1 điều 2 Thông tư số 215/2013/TT-BTC của Bộ tài chính. Sau đó Chi cục thuế huyện Kiên Lương đã có biên bản làm việc ngày 12/10/2016 với bà Võ Thị P là giám đốc công ty TNHH H về việc xử lý thu hồi nợ thuế.

Trên cơ sở đó ngày 27/10/2016 giữa Công Ty Cổ Phần G và công ty TNHH H có lập biên bản về việc xử lý hóa đơn giá trị gia tăng thì phía công ty TNHH H có cam kết sẽ phát hành một hóa đơn mới hợp lệ theo pháp luật với giá trị tương tự hóa đơn cũ để bổ sung trước ngày 31/12/2016 cho Công ty cổ phần G. Trường hợp đến ngày 31/12/2016 nếu Công ty TNHH H không giao hóa đơn bổ sung cho Công ty cổ phần G thì phải trả các khoản tiền thiệt hại cho Công ty cổ phần G bao gồm:

+ Thuế giá trị gia tăng là 71.495.400đ.

+ Số tiền phạt do chậm nộp thuế giá trị gia tăng là 2.888.414đ.

+ Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 Công ty cổ phần G phải nộp do không được hạch toán vào chi phí số tiền 714.954.000đ với thuế xuất 20% là 142.990.800đ.

+ Số tiền lãi trên số tiền thuế giá trị gia tăng và tiền chậm phạt nộp thuế giá trị gia tăng (71.495.400đ+ 2.888.414đ = 74.383.814đ) với lãi xuất 7,5%/năm từ ngày 27/10/2016 đến ngày 31/12/2016 là 1.023.000đ.

+ Số tiền lãi trên số tiền do Công ty TNHH H nợ Công ty cổ phần G tại thời điểm 31/12/2016 là 218.397.214đ với lãi xuất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm trả nợ, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2017.

Trên cơ sở biên bản trên ngày 27/10/2016 Công ty cổ phần G có bàn giao hóa đơn trên cho công Ty TNHH H để Công ty TNHH H xuất hóa đơn mới có giá trị sử dụng cho Công ty cổ phần G. Tuy nhiên đến hết ngày 31/12/2016 Công ty cổ phần G vẫn không nhận được hóa đơn bổ sung từ Công ty TNHH H. Đến nay Công ty TNHH H không thực hiện đúng như cam kết trong nội dung biên bản làm việc ngày 27/10/2016 và cố tình không trả số tiền 218.397.214 đ cho Công ty cổ phần G. Vì vậy Công ty Cổ phần G khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH H phải trả số tiền 218.397.214đ theo thỏa thuận.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của Công ty cổ phần G, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH H như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Võ Thị P là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu chứng cứ do đó Tòa án không ghi được lời khai của của bà P, không tiến

hành hòa giải được, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà P có mặt tại phiên tòa nên vẫn xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi trên số tiền thuế giá trị gia tăng và tiền chậm phạt nộp thuế giá trị gia tăng (71.495.400đ+ 2.888.414đ = 74.383.814đ) với lãi xuất 7,5%/năm từ ngày 27/10/2016 đến ngày 31/12/2016 là 1.023.000đ và số tiền lãi theo lãi xuất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm trả nợ, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2017 trên số tiền 218.397.214đ do Công ty TNHH H nợ Công ty cổ phần G nên Hội Đồng Xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn. Số tiền còn lại nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 217.374.000đ.

Tại phiên tòa phía bị đơn thừa nhận có hợp đồng khai thác, vận chuyển đất sét như nguyên đơn trình bày, quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp gì, tuy nhiên đến khi thanh toán số tiền trên thì do phía công ty TNHH H còn nợ thuế nên Chi cục thuế thông báo hóa đơn mà phía công ty TNHH H xuất cho Công ty cổ phần G không còn giá trị sử dụng. Vì vậy ngày 27/10/2016 giữa hai công ty có ký biên bản về việc xử lý hóa đơn giá trị gia tăng, theo thỏa thuận thì phía công ty TNHH H có cam kết trường hợp đến ngày 31/12/2016 nếu công ty TNHH H không giao hóa đơn bổ sung có giá trị sử dụng cho Công ty cổ phần G thì phải trả các khoản tiền theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.Tuy nhiên đến nay Công ty TNHH H vẫn không xuất hóa đơn được cho bên nguyên đơn do đang gặp khó khăn và còn nợ thuế nên đề nghị Công ty cổ phần G xem xét để Công ty TNHH H chỉ trả phần tiền thuế giá trị gia tăng là 71.495.400đ, các khoản tiền còn lại xin Công ty cổ phần G . Sau này công ty TNHH H sẽ xuất hóa đơn cho Công ty G. Tuy nhiên nếu Công ty cổ phần G không đồng ý theo ý kiến trên thì phía Công ty TNHH H cũng đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn nhưng xin được trả dần vì hiện nay gặp khăn khăn.

Phía nguyên đơn không đồng ý theo đề xuất của phía bị đơn vì đã hết thời hạn ngày 31/12/2016 đến nay việc xuất hóa đơn mới không còn giá trị vì các khoản đã nộp ngân sách nhà nước và quyết toán xong, vì vậy đề nghị công ty TNHH H phải trả số tiền thiệt hại là 217.374.000đ làm 1 lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên vụ án đã bị quá thời hạn xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì đã có đầy đủ cơ sở để chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Bởi vì theo như biên bản về việc xử lý hóa đơn giá trị gia tăng ngày 27/10/2016 giữa Công ty TNHH H với Công ty cổ phần G thì phía Công ty TNHH H có cam kết trường hợp đến ngày 31/12/2016 công ty TNHH H không giao hóa đơn bổ sung cho Công ty cổ phần G thì phải trả các khoản tiền thiệt hại cho Công ty cổ phần G số tiền là 218.397.214đ và tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng đã thừa nhận.Vì vậy việc Công ty cổ phần G yêu cầu công ty TNHH H chỉ phải trả số tiền 217.374.000đ là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về bồi thường hợp đồng khai thác, vận chuyển đất sét" xảy ra trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng luật thương mại 2005 và Bộ luật dân sự năm 2005 và để giải quyết. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung vụ kiện:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do Công ty cổ phần G xuất trình gồm hợp đồng số 01/HĐKT-KBT ngày 09/02/2015 về việc khai thác vận chuyển đất sét và phụ lục hợp đồng số 01-1/PLHĐ-KBT và phụ lục hợp đồng số 01- 2/PLHĐ – KBT, Biên bản về việc nghiệm thu khối lượng khai thác sét đợt ba, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 25/5/2016, quyết định số 171/QĐ-CCT ngày 28/4/2016 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, thông báo số 1985/TB - CCT ngày 28/4/2016 của Chi cục thuế Kiên Lương về việc hóa đơn không còn giá trị sử dụng, biên bản về việc xử lý hóa đơn giá trị gia tăng ngày 27/10/2016, biên bản hủy hóa đơn ngày 27/10/2016 và biên bản bàn giao hóa đơn số 02/BB-KBT ngày 27/10/2016 được ký giữa Công ty cổ phần G và Công ty TNHH H và phía bị đơn xác nhận có ký các biên bản nêu trên và có cam kết sẽ bồi thường số tiền 218.397.214đ và lãi xuất theo quy định nếu không xuất được hóa đơn cho Công ty cổ phần G trước ngày 31/12/2016.

[3] Xét về lỗi: Trong vụ án này lỗi hoàn toàn thuộc về công ty TNHH H. Vì theo điều 4 của hợp đồng về việc khai thác vận chuyển đất sét số 01/HĐKT-KBT ngày 09/02/2015 được ký giữa hai bên trong đó quy định phương thức và thủ tục thanh toán, thì thủ tục thanh toán gồm biên bản nghiệm thu, hóa đơn giá trị gia tăng của bên B và phiếu nhập kho của bên A.

Tại điều 7 của hợp đồng trên cũng quy định "Bên nào vi phạm, gây thiệt hại cho bên kia sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường theo thiệt hại thực tế". Do bên B xuất hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Trên cơ sở đó giữa hai Công ty có lập biên bản về việc xử lý hóa đơn giá trị gia tăng mà bên B đã xuất cho bên A. Theo thỏa thuận thì công ty TNHH H yêu cầu Công ty cổ phần G trả lại hóa đơn và cam kết sẽ xuất hóa đơn GTGT hợp pháp khác cho Công ty cổ phần G thay cho hóa đơn số 0000096 ngày 25/5/2016 trước ngày 31/12/2016. Ngày 27/10/2016 Công ty cổ phần G có lập biên bản bàn giao hóa đơn số 02/BB-KBT cho công ty TNHH H, tuy nhiên đến nay Công ty TNHH H vẫn chưa xuất hóa đơn khác cho Công ty cổ phần G theo thỏa thuận dẫn đến thiệt hại cho công ty cổ phần G số tiền là 218.397.214đ.

Đến nay công ty TNHH H không thanh toán số tiền thiệt hại cho Công ty cổ phần G. Tại phiên tòa hôm nay Công ty cổ phần G rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xét xử buộc Công ty TNHH H thanh toán toàn bộ số tiền thiệt hại là 217.374.000đ một lần, bị đơn đã thừa nhận nợ số tiền thiệt hại trên và xin trả dần nhưng không được nguyên đơn đồng ý vì vậy việc xin trả dần của phía bị đơn Hội đồng xét xử không chấp nhận bởi lẽ phía nguyên đơn không đồng ý. Hơn nữa, căn cứ vào điểm 1 phần III, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC –

VKSNDTC – BTP- BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Do đó, Hội đồng xét xử buộc công ty TNHH H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần G số tiền thiệt hại là 217.374.000đ. Phương thức trả nợ như thế nào là thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền trên là có cơ sở phù hợp theo quy điều 298 Điều 302; Điều 303 và 304 Luật thương mại năm 2005 và điều 305 và 307 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[5] Xét quan điểm và lời trình bày của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 302, điều 303 và 304 Luật thương mại năm 2005.
- Căn cứ vào điều 305 và điều 307 Bộ luật dân sự 2005.
- Căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1./ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 1.023.000đ và số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2017 cho đến nay do nguyên đơn rút yêu cầu này.

2./ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công Ty Cổ Phần G.

Buộc công ty TNHH H có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần G số tiền 217.374.000đ *(Hai trăm mười bảy triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).*

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng thàng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3./ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Căn cứ vào các Điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.868.700đ *(Mười triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm đồng).*

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 5.460.000đ (*Năm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)* cho Công ty cổ phần G đã nộp theo biên lai số 0001638 ngày23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

4./ Về quyền kháng cáo.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án;

5./ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Kiên Lương;*
- *Chi cục THADS huyện Kiên Lương;*
- *Lưu: Vp, hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Đăng